**Báo cáo/ thống kê:**

Đặc tả use case

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Use-case**: Báo cáo/ thống kê | | **ID**: | **Mức quan trọng**: cao |
| **Tác nhân chính**: Nhân viên quản lý kho | **Use-case type**: Chi tiết | | |
| **Người liên quan và công việc liên quan**:  Nhân viên quản lý kho: Báo cáo/ thống kê về các đơn hàng trong tuần/tháng cho bộ phận quản lý. | | | |
| **Mô tả tóm tắt**: Use-case này mô tả quy trình báo cáo/thống kê: Mỗi tuần/ tháng hoặc có thông báo từ bộ phận quản lý thì nhân viên quản lý kho sẽ thực hiện việc lập báo cáo về các đơn hàng trong tháng. Các báo cáo có thể gồm: báo cáo về các đơn hàng thành công, thất bại của khách hàng. Báo cáo về đơn hàng nhập xuất sản phẩm từ nhà cung cấp. | | | |
| **Ràng buộc**: Không có. | | | |
| **Các mối quan hệ:**  1. Association: Nhân viên quản lý kho.  2. Mở rộng: Không có.  3. Bao hàm: Không có.  4. Tổng quát hóa: Không có. | | | |
| **Các dòng sự kiện tổng quát:**   1. Nhân viên quản lý kho tiếp nhận yêu cầu lập báo cáo thống kê. 2. Nhân viên quản lý kho chọn loại báo cáo tương ứng: báo cáo về đơn hàng, báo cáo về xuất nhập kho. 3. Nhân viên quản lý kho nhập thông tin để thống kê. 4. Hệ thống trả về kết quả thống kê. 5. Gửi kết quả cho ban giám đốc hoặc quản lý. 6. Kết thúc quá trình báo cáo thống kê. | | | |
| **Các dòng sự kiện con:**  4a. Kết quả báo cáo thống kê có thể hiện thị trên màn hình.  4b. Xuất ra các định dạng file khác nhau để in báo cáo. | | | |
| **Các dòng sự kiện ngoại lệ:** Không có. | | | |

Sơ đồ activity



**Giao hàng:**

Đặc tả use case giao hàng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Use-case**: Giao hàng | | **ID**: | **Mức quan trọng**: cao |
| **Tác nhân chính**: Nhân viên quản lý kho | **Use-case type**: Chi tiết | | |
| **Người liên quan và công việc liên quan**:  Nhân viên quản lý kho: Giao hàng đến hàng khách hàng theo đơn đặt hàng. | | | |
| **Mô tả tóm tắt**: Use-case này mô tả quy trình giao hàng từ kho đến cho khách hàng. | | | |
| **Ràng buộc**: Phải nhận được đơn đặt hàng từ khách hàng.  **Loại**: Bên ngoài. | | | |
| **Các mối quan hệ:**  1. Association: Nhân viên quản lý kho.  2. Mở rộng: Không có.  3. Bao hàm: Đặt hàng.  4. Tổng quát hóa: Không có. | | | |
| **Các dòng sự kiện tổng quát:**  1. Nhân viên quản lý kho tiếp nhận đơn hàng gồm: địa chỉ người nhận, ngày giao hàng, sản phẩm giao số lượng, tổng tiền đơn hàng (cho khách hàng thanh toán trả sau).  2. Nhân viên quản lý kho kiểm tra số lượng tồn kho của sản phẩm.  3. Nhân viên quản lý kho đóng gói đơn hàng và chuyển đến nhân viên giao hàng.  4. Nhân viên giao hàng đưa hàng đến cho khách hàng.  5. Khách hàng ký xác nhận hoàn tất đơn hàng. | | | |
| **Các dòng sự kiện con:** Không có. | | | |
| **Các dòng sự kiện ngoại lệ:**  2. Nhân viên quản lý kho kiểm tra số lượng tồn kho của sản phẩm.  2a. Nếu hết hàng thì thông báo không đủ số lượng sản phẩm cho khách hàng.  2b. Kết thúc quá trình đặt hàng. | | | |

Sơ đồ activity

